

Bản án số: **13/2023/DS-ST**
Ngày: 06/02/2023
V/v tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Bùi Diệu Huệ
2. Ông Nguyễn Thành Lộc

- Thư ký phiên tòa: ông Võ Minh Tiễn - Thư ký Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân tham gia phiên tòa: bà Hồ Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 80/2022/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 487/2022/QĐXXST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2022; quyết định hoãn phiên tòa số 04/2023/QĐST-DS ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông **Huỳnh Thanh V**, sinh năm 1981

Thường trú: 96/5A đường H, P M, Quận N, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: 42 Đường D, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: ông **Phạm Công N**, sinh năm 1988

Thường trú: 430 Đường T, phường S, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.
Tạm trú: 353 đường H, phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: bà Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1978; địa chỉ: 24/21C đường B, phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hòa giải thì nguyên đơn Huỳnh Thanh V trình bày:

Ngày 20/7/2016 ông có cho ông Phạm Công N mượn số tiền 200.000.000 đồng, ông N có viết giấy mượn tiền, hai bên thỏa thuận đúng 03 tháng sẽ trả lại. Khi mượn tiền ông N có gửi cho ông giữ Giấy chứng minh công an nhân dân để làm tin. Đến ngày 12/8/2016 ông N mượn lại Giấy chứng minh công an nhân dân để cơ quan ông N kiểm tra, nên hiện nay ông không còn giữ giấy đó của ông N nữa. Hết thời hạn 03 tháng ông N vẫn chưa trả lại cho ông số tiền đã mượn mặc dù ông đã nhiều lần đến nhà và nhắn tin yêu cầu ông N trả tiền nhưng ông N cố tình kéo dài thời gian và không có thiện chí trả nợ. Nay ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N phải trả lại ông số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo lãi suất 9%/năm, tính từ ngày 21/10/2016 đến ngày 21/10/2022 với số tiền là 108.000.000 đồng, tổng cộng là 308.000.000 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn Phạm Công N trình bày: ngày 20/7/2016 ông có vay của ông Huỳnh Thanh V số tiền 200.000.000 đồng, hai bên có làm giấy vay tiền, thời hạn vay là 03 tháng, lãi suất thỏa thuận là 10%/tháng (tức là 20.000.000 đồng/tháng). Ông có đưa cho ông V Giấy chứng minh công an nhân dân để làm tin. Đến ngày 12/8/2016 ông có trả cho ông V 100.000.000 đồng để mượn lại Giấy chứng minh công an nhân dân nộp cho cơ quan, số tiền này do ông V qua nhà ông tại số 353 đường H, phường B, quận T, mẹ ông là người trả tiền cho ông V nhận, có giấy tờ trả tiền nhưng đã bị thất lạc. Nay ông đồng ý trả lại cho ông V số tiền 100.000.000 đồng và xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền vay và không đồng ý trả lãi.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bùi Thị Thanh Nghĩa trình bày: bà là vợ của ông Huỳnh Thanh V. Số tiền 200.000.000 đồng mà ông V cho ông N vay bà cam kết là tiền riêng của ông V, bà không có ý kiến gì và không có tranh chấp về việc ông V khởi kiện ông N. Do có con nhỏ nên bà xin vắng mặt trong suốt quá trình tòa án giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, buộc ông Phạm Công N phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả tính từ ngày 21/10/2016 đến ngày 21/10/2022 là 120.000.000 đồng, tổng cộng là 320.000.000 đồng, trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Bị đơn đã được tổng đạt hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án Thẩm phán đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định của BLTTDS năm 2015, cụ thể: về thẩm quyền giải quyết đúng quy định, thủ tục thụ lý vụ án đúng quy, xác định đúng tư cách tố tụng và triệu tập các đương sự tham gia tố tụng theo quy định, tiến hành xác minh xác minh, thu thập chứng cứ được

thực hiện đúng quy định, đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, phiên hòa giải và tiến hành phiên họp, phiên hòa giải theo đúng quy định. Thời hạn chuẩn bị xét xử chưa đảm bảo theo quy định tại khoản 1 Điều 203 BLTTDS năm 2015. Quyết định đưa vụ án ra xét xử được thực hiện đúng theo quy định tại Điều 220 BLTTDS năm 2015. Các văn bản tố tụng của Tòa án đều được tổng đạt cho các đương sự theo đúng quy định từ Điều 170 đến Điều 179 BLTTDS năm 2015. Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, giao Quyết định đưa vụ án ra xét xử và chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu là chưa đúng thời hạn theo quy định tại khoản 2 Điều 220 BL TTDS năm 2015.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử và thư ký đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS năm 2015 về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71 BLTTDS năm 2015. Bị đơn vắng mặt chưa thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 72, 234 BLTTDS năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án dân sự: xét yêu cầu của nguyên đơn thấy:

Căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ cùng lời thừa nhận của bị đơn thì xác định ông N có vay của ông V số tiền 200.000.000 đồng theo giấy mượn tiền ngày 20/7/2016, thời hạn vay 3 tháng, không quy định lãi suất. Xét thấy giấy mượn tiền được ký kết trên tinh thần tự nguyện, đúng quy định của pháp luật. Hết thời hạn vay ông N không trả nợ mặc dù ông V nhắc nhở nhiều lần, cho thấy ông N vi phạm nghĩa vụ thanh toán.

Ông N tại phiên tòa thứ nhất cho rằng mẹ ông là bà Phạm Thị N đã trả một phần tiền thay cho ông nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Tòa án tiến hành triệu tập bà N nhưng bà không có mặt nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của ông N. Từ phân tích trên có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông V, buộc ông N trả số tiền gốc 200.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu đòi tiền lãi, tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2022, ông V yêu cầu ông N trả 120.000.000 đồng tiền lãi (tính từ ngày 20/02/2017 đến ngày 20/02/2022), tuy nhiên, tại bản tự khai ngày 06/3/2023 ông V yêu cầu ông N trả lãi từ ngày 21/10/2016 đến 21/10/2022 với lãi suất 9%/năm, với số tiền là 108.000.000 đồng, xét thấy yêu cầu này là có lợi cho bị đơn nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu đòi tiền lãi của nguyên đơn.

Kiến nghị Hội đồng xét xử khắc phục vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bị đơn cư trú tại quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Vụ án thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa theo khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Xét, giấy mượn tiền được lập vào ngày 20/7/2016, giao dịch dân sự này được xác lập trước khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực và có tranh chấp, nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2005 và các văn bản pháp luật hướng dẫn áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung:

3.1. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ chứng cứ do nguyên đơn cung cấp là Giấy mượn tiền ngày 20/7/2016 và Giấy cam kết ngày 12/8/2016 cùng lời thừa nhận của các bên đương sự thì có cơ sở xác định ông Phạm Công N có vay của ông Huỳnh Thanh V số tiền 200.000.000 đồng, hạn 03 tháng sau sẽ trả lại cho ông V. Đến nay đã hết thời hạn vay nhưng ông N chưa trả số tiền trên cho ông V, đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả số tiền còn nợ và lãi chậm trả là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật.

3.2. Xét lời khai của ông N xác nhận có vay của ông V số tiền 200.000.000 đồng như ông V trình bày và ông đã trả được 100.000.000 đồng tiền gốc vào ngày 12/8/2018, còn nợ lại 100.000.000 đồng, ông đồng ý trả cho ông V, nhưng yêu cầu được trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi hết nợ và không đồng ý trả lãi.

3.3. Xét số tiền 100.000.000 đồng ông N trình bày là tiền gốc ông đã trả cho ông V do mẹ ông trực tiếp trả tại nhà ông. Xét thấy việc này không được ông V thừa nhận và ông N cũng không có chứng cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, mặt khác Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai đối với bà Phạm Thị N, sinh năm 1961 (là mẹ của ông N) đến tòa để cung cấp chứng cứ, cung cấp lời khai nhưng đương sự vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản nên ý kiến của mình gửi cho tòa án, nên việc ông N khai đã trả cho ông V 100.000.000 đồng là không có căn cứ để xem xét. Tại phiên tòa hôm nay ông N vắng mặt không có lý do cho thấy ông N không có thiện chí trả nợ cho ông V và

việc kéo dài thời hạn trả nợ sẽ gây thiệt hại cho nguyên đơn nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn có căn cứ chấp nhận.

3.4. Xét yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: tại giấy mượn tiền ngày 20/7/2016 hai bên không thỏa thuận về lãi, nhưng do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất 9%/năm là có căn cứ bởi: Theo Điều 305 Bộ luật Dân sự năm 2005 quy định “*Trong trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán...*”. Căn cứ Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 về mức lãi suất cơ bản bằng đồng Việt Nam của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định mức lãi suất cơ bản là 9%/năm. Nguyên đơn yêu cầu tính lãi từ ngày 21/10/2016 đến ngày 21/10/2022 với mức lãi suất 9%/năm là phù hợp với quy định của pháp luật và có lợi cho bị đơn nên được chấp nhận, cụ thể được tính: $200.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 72 \text{ tháng} = 108.000.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, tổng số tiền ông N phải trả cho ông V là 308.000.000 đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 đồng và lãi chậm trả là 108.000.000 đồng.

[4] Xét ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân là phù hợp, có căn cứ nên chấp nhận.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 15.400.000 đồng (308.000.000 đồng x 5%).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 229 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 305, 471, 474 Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thanh V.

Buộc ông Phạm Công N phải trả cho ông Huỳnh Thanh V một lần số tiền nợ gốc và lãi phát sinh từ Giấy mượn tiền ngày 20/7/2016 là 308.000.000 (ba trăm lẻ tám triệu) đồng, trong đó tiền gốc là 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng và lãi chậm trả là 108.000.000 (một trăm lẻ tám triệu) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: ông Phạm Công N phải chịu 15.400.000 (mười lăm triệu bốn trăm nghìn) đồng. Hoàn trả cho ông Huỳnh Thanh V tiền tạm ứng án phí đã nộp 8.000.000 (tám triệu) đồng theo biên lai thu số AA/2021/0033580 ngày 16 tháng 3 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Các đương sự thi hành án tại Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q. Bình Tân;
- Chi cục THA.DS Q. Bình Tân;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Ba